

Số: **386/2020/QĐST-HNGĐ**

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 345/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn : - Chị Lương Huyền T , sinh năm 1993;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: 152 Q, phường Q, Quận B, thành phố H;

Bị đơn : - Anh Phạm Văn H , sinh năm 1984;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: 152 Q, phường Q, Quận B, thành phố H;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các điều 55, 58, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lương Huyền T và anh Phạm Văn H .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn số 39, ngày 25/4/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Q, Quận B, thành phố H;

2.2 Về nuôi con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Trang N (nữ) sinh ngày 09/6/2017. Ly hôn anh chị thống nhất giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi nào chị T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.4 Về nhà ở: Anh chị không có nhà ở chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.5 Về nợ chung: Anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.6 Về án phí ly hôn: Chị T tự nguyện chịu cả 50% án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng lệ phí ly hôn số 0024554 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ba Đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Dương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Quận Ba Đình ;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ba Đình;*
- *UBND phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP/TA.*

THẨM PHÁN

NGÔ THỊ VÂN